

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày 18/12/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn nghị

ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2024/TLST-HS ngày 29/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Bị cáo **Phạm Thị T**, sinh năm 1975; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm D, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; bố đẻ Phạm Văn T1; mẹ đẻ Hoàng Thị T2; chồng Ngô Văn T3; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Mai Thị H**, sinh năm 1982; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm G, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; bố đẻ Mai Thái S (đã chết); mẹ đẻ Trương Thị P; chồng Trương Hải Đ (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPVPHC ngày 7/9/2018 của Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt Mai Thị H số tiền 2.300.000đồng về hành vi “Gây mất trật tự ở khu dân cư” và “Dán quảng cáo trên cột điện”. Ngày 07/9/2018 H đã thi hành xong, được xóa vi phạm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Trần Thị D**, sinh năm 1987; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: công giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; bố đẻ Trần Ngọc C; mẹ đẻ Lê Thị H1 (đã chết); chồng Đỗ Trọng N; có 01 con: sinhnăm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28 ngày 02/11/2006 của Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt Trần Thị Duyên số tiền 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 09/11/2006 D đã thi hành xong nên được xóa vi phạm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:** ông Hoàng Tường T4 “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Phạm Thị T nảy sinh ý định mua bán số lô, số đề với Mai Thị H rồi tự trả thưởng. Việc mua bán số lô, số đề được thực hiện qua tài khoản zalo có tên “Hoa Mai” đăng ký bằng số điện thoại 0964.214.612 trên điện thoại di động Samsung Galaxy A31 của T và tài khoản “Cỏ đại ven đường” đăng ký số điện thoại 0945.071.869 trên điện thoại di động Iphone của H. Ngoài ra, T còn nhắn tin, gửi bản ảnh mua các số lô, số đề hoặc chuyển một phần số lô, số đề đã bán đến tài khoản zalo “Thiên Bình” của Trần Thị D đăng ký bằng số điện thoại 0788.077.649 trên điện thoại di động Xiaomi Redmi 7.

Giữa T và H, giữa T và D quy ước việc mua bán số lô, số đề cụ thể: 01 điểm lô bán với giá 21.700đồng. Việc trúng thưởng sẽ lấy kết quả của xổ số kiến thiết Miền B trong ngày. Số đề sẽ so với 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu trúng thưởng thì người bán sẽ phải trả gấp 70 lần. Khi thanh toán tiền mua số đề, cứ 1.000đồng tiền đề người mua chỉ phải trả cho người bán số tiền 720đồng. Số lô được so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng người mua được 80.000đồng, nếu 01 số lô mà trùng với 02 số cuối của nhiều giải từ giải bảy đến giải đặc biệt được gọi là “trúng lô nhiều nháy” và người bán phải trả số tiền tương ứng với số “nháy trúng”. Đối với số đề 03 càng người chơi sẽ mua số đề 3 chữ số (từ 000 đến 999) với số tiền tùy ý, nếu trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt số xổ người bán phải trả thưởng số tiền gấp 400 lần số tiền đã mua. Nếu người mua không trúng, người bán sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ

ra. Trong ngày 28/02/2024 Phạm Thị T đã mua bán số lô, số đề với Mai Thị H và Trần Thị D, cụ thể như sau:

- Từ 17 giờ 47 phút đến 18 giờ 19 phút ngày 28/02/2024, H gửi 09 tin nhắn Zalo cho T hỏi mua 123 số đề thành tiền 11.860.000đồng; 865 điểm lô thành tiền 18.770.500đồng; 32 số đề ba càng thành tiền 600.000đồng. T đồng ý nhắn tin xác nhận mua các số lô, số đề trên. Đối chiếu với kết quả xổ số mở thưởng trong ngày, H trúng thưởng số tiền 22.800.000đồng, gồm: 40.000đồng số đề thành tiền 2.800.000đồng và 250 điểm điểm lô thành tiền 20.000.000đồng. Tổng số tiền H và T đánh bạc là 54.030.500đồng, cả hai chưa thanh toán với nhau.

- Từ 17 giờ 35 phút đến 18 giờ 21 phút cùng ngày, T gửi 14 tin nhắn Zalo cho D hỏi mua 378 số đề với số tiền là 10.310.000đồng; 19 điểm lô thành tiền 412.300đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày, T trúng thưởng 35.000đồng số đề thành tiền 2.450.000đồng. Số tiền T đánh bạc với D là 13.172.300đồng. Đồng thời, trong quá trình đánh bạc, nhận thấy một số số lô, số đề đã mua của H có khả năng trúng thưởng nên T đã nhắn tin chuyển 56 số đề thành tiền 1.585.000đồng và 20 điểm lô thành tiền 434.000đồng cho D. Đối chiếu với kết quả xổ số mở thưởng trong ngày, T trúng thưởng 20.000đồng số đề thành tiền 1.400.000đồng. Tổng số tiền D đánh bạc với T là 16.591.300đồng (trong đó số tiền đánh bạc với H được T chuyển cho D là 3.419.000đồng), cả hai chưa thanh toán với nhau.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Thị T huy động vào việc đánh bạc trong ngày 28/02/2024 với Mai Thị H và Trần Thị D là 67.202.800đồng.

Vào hồi 18 giờ 50 phút cùng ngày, Công an huyện K triệu tập Phạm Thị T và Trần Thị D để xác minh tố giác của quần chúng nhân dân. Quá trình làm việc T và D đã tự giác khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã triệu tập Mai Thị H đến làm việc.

Thu giao nộp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A31, màu đen; D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7, màu xanh; H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, màu đỏ cho Cơ quan điều tra.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, H sử dụng trong quá trình đánh bạc với T đã bị H làm mất, không thu hồi được.

Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành trưng cầu giám định V - Bộ C1 trích xuất và khôi phục dữ liệu tin nhắn SMS, Zalo, Messenger và hình ảnh đã bị xóa trên 03 thiết bị di động trên.

Tại Bản kết luận giám định về kỹ thuật số và điện tử số 6148/KL-KTHS ngày 11/10/2024 của V - Bộ C1 kết luận: “*Tìm thấy 787 tin nhắn SMS/MMS, 7505 tin nhắn Zalo, 1410 tin nhắn Facebook Messenger, 20503 hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại di động Samsung Galaxy A31, 01 tin nhắn SMS lưu trữ trong SIM*

của Phạm Thị T; 40 tin nhắn SMS/MMS, 356 tin nhắn Zalo, 377 tin nhắn Facebook Messenger, 175 hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại di động Iphone SE, 32 tin nhắn lưu trữ trong SIM của Mai Thị H; 1208 tin nhắn SMS/MMS, 888 tin nhắn Zalo, 9719 image lưu trữ trong máy điện thoại di động Xiaomi Redmi 7, không tìm thấy dữ liệu tin nhắn lưu trữ trong SIM của Trần Thị D (chi tiết lưu trữ trong đĩa CD kèm theo)". Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện K tiến hành rà soát, kiểm tra dữ liệu lưu trữ trong đĩa CD nhưng không phát hiện nội dung đánh bạc khác.

Bản cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 27/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Mai Thị H về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị T, Mai Thị H, Trần Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thị H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã Y giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn P giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với UBND thị trấn P giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ bị cáo từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31 thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7 thu giữ của bị cáo D.

- Trả lại cho bị cáo Mai Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu bị cáo Phạm Thị T số tiền 32.122.300 đồng, được trừ đi số tiền 5.300.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục THADS huyện K để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo H và bị cáo D.

- Truy thu bị cáo Mai Thị H số tiền 31.230.500 đồng, được trừ đi số tiền 7.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục THADS huyện K để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo T.

- Truy thu bị cáo Trần Thị D số tiền 3.850.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo T.

- Tịch thu tiêu hủy 03 vỏ phong bì sử dụng để niêm phong điện thoại thu giữ của các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác. Các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc lập ngày 28/02/2024; Biên bản kiểm tra điện thoại; Bản kết luận giám định số 6148/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 11/10/2024; vật chứng thu giữ của vụ án và còn được chứng minh qua các tin nhắn điện thoại giữa các bị cáo; lời khai của người

chứng kiến, đã có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cụ thể: trong buổi chiều ngày 28/02/2024, tại xóm D, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo Phạm Thị T có hành vi mua bán số lô, số đề qua tin nhắn zalo với bị cáo Mai Thị H số tiền huy động vào việc đánh bạc là 54.030.500đồng; với bị cáo Trần Thị D với số tiền huy động vào việc đánh bạc là 16.591.300đồng (trong đó số tiền đánh bạc với H được T chuyển cho D là 3.419.000đồng). Tổng số tiền T huy động vào việc đánh bạc là 67.202.800đồng.

Đối chiếu các quy định của pháp luật hình sự, hành vi của các bị cáo Phạm Thị T, Mai Thị H đã phạm vào tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung tăng nặng “*Tiền dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị D đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

.....

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây và vụ án có 03 bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn. Khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Phạm Thị T: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Mai Thị H: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên lịch sử bản thân bị cáo đã từng bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính nhưng không liên quan trực tiếp đến hành vi “Đánh bạc”, “Gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc” mà về lĩnh vực quản lý hành chính khác, cụ thể “Gây mất trật tự ở khu dân cư” và “Dán quảng cáo trên cột điện” bị cáo đã chấp hành xong từ năm 2018. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Thị D: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Lịch sử bản thân bị cáo đã từng bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong từ năm 2006. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có 01 con nhưng bị khuyết tật nặng, phải có người chăm sóc và hàng tháng được trợ cấp của Nhà nước; bị cáo có bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong gia đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo T và bị cáo H nhận thức được việc làm của mình là phạm pháp, tự nguyện nộp lại nhà nước một phần số tiền các bị cáo thu lợi bất chính hiện các bị cáo đang quản lý, thể hiện sự ân hận của các bị cáo về việc làm sai trái của mình; bị cáo T và bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây có thể được xem là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng thêm cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Thị T là người trực tiếp bán số lô, số đề, tự trả thưởng, số tiền bị cáo huy động vào việc đánh bạc nhiều nhất nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Mai Thị H là người thực hành, số tiền huy động vào việc đánh bạc ít hơn bị cáo T, nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt chính ngang bị cáo T. Còn đối với bị cáo Trần Thị D tham gia đánh bạc với vai trò là người thực hành, số tiền huy động vào việc đánh bạc thấp nhất, nên bị cáo có vai trò cuối

cùng trong vụ án. Xét thấy bị cáo T và bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo được, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội là phụ nữ. Đối với bị cáo D, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo được, nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31 thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7 thu giữ của bị cáo D. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bị cáo H sử dụng để đánh bạc dưới hình thức nhắn tin mua bán số lô, số đề với bị cáo T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo đã làm mất, không thu hồi được, do đó không có cơ sở để xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE thu giữ của bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại nói trên vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền số tiền 32.122.300 đồng là tiền bị cáo T sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo D là 10.722.300 đồng và đánh bạc với bị cáo H 21.400.000 đồng (đã trừ 1.400.000 đồng bị cáo T chuyển cho bị cáo D). Số tiền này bị cáo T đang quản lý. Đây là tiền bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước, được trừ đi số tiền 5.300.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai thu tiền số 0002115 ngày 16/12/2024.

Đối với số tiền 31.230.500 đồng là tiền bị cáo H sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo T, hiện bị cáo H đang quản lý số tiền này. Đây là tiền bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước, được trừ đi số tiền 7.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai thu tiền số 0002116 ngày 16/12/2024.

Đối với số tiền 3.850.000 đồng là tiền bị cáo D sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo T (bao gồm 2.450.000 đồng bị cáo Thu mua cho cá nhân nhưng trúng thưởng và 1.400.000 đồng bị cáo Thu mua của bị cáo H chuyển cho bị cáo D đã

trúng thưởng). Số tiền này cáo D hiện đang quản lý. Đây là tiền bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu số tiền nói trên để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 03 vỏ phong bì sử dụng để niêm phong điện thoại thu giữ của các bị cáo. Do không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về các vấn đề khác:

Đối với số thuê bao 0964.214.612 mang thông tin của chị Trần Thị X, sinh năm 1968; trú tại: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; số thuê bao 0945.071.869 mang thông tin của anh Hoàng Ngọc T5, sinh năm 1972; trú tại: Khu C, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ và số thuê bao 0788.077.649 đăng ký tại Công ty V1 đã bị huỷ đăng ký. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chị X không có mặt tại địa phương, anh T5 không quản lý và sử dụng số thuê bao trên nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị T và bị cáo Mai Thị H.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị D.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thị T, Mai Thị H, Trần Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T 36 (ba mươi sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày

18/12/2024. Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo **Mai Thị H 36 (ba mươi sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18/12/2024. Giao bị cáo Mai Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Mai Thị H số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo **Trần Thị D 18 (mười tám)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn P giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị D số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu bị cáo Phạm Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31 và số tiền 32.122.300 đồng, được trừ đi số tiền 5.300.000 đồng bị cáo

tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền số 0002115 ngày 16/12/2024 để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu bị cáo Trần Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 7 và số tiền 3.850.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu bị cáo Mai Thị H số tiền 31.230.500 đồng, được trừ đi số tiền 7.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai thu tiền số 0002116 ngày 16/12/2024 để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Mai Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 03 vỏ phong bì sử dụng để niêm phong điện thoại thu giữ của các bị cáo.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Phạm Thị T, Mai Thị H, Trần Thị D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng